

Số: ~~1145~~/STC-QLGCS&TCĐN
V/v đăng tải và xin ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh

Tuyên Quang, ngày ~~23~~ tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Sở: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường;
- Các tổ chức chính trị xã hội;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/ 5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi):

1. Các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày 10/9/2021 để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của UBND Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi qua hộp thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: 

- Như trên (để tham gia);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website Sở Tài chính;
- Phòng TC-KH huyện, TP | (để tham
- Phòng: QLNS, TCHCSN | gia);
- Lưu: VT, QLGC&TCDN (M.Nga).



Hà Trung Kiên



Số: /TTr- STC

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH.

Các căn cứ pháp lý quy định:

Tại Điểm c, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định: “*Riêng đối với đất đô thị, đất ở giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ thực tế địa phương quy định chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất, đồng thời quy định chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.*”

Tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, quy định:

“*Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương quy định chế độ*

miễn, giảm tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực. Mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án; mức tối thiểu bằng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

Chậm nhất sáu (06) tháng ..., Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và công bố công khai chế độ miễn, giảm tiền thuê đất nêu trên sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Định kỳ ba (03) năm một lần, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp."

Tại điểm 2.5 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính, quy định: "*Định kỳ ba (03) năm một lần, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp; làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị; ban hành và công bố công khai sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.*"

Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự thảo Quyết định báo cáo UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đây là căn cứ quan trọng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ miễn, giảm đối với cơ sở xã hội hóa trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm 2.5 khoản 1 Điều 3 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính thì định kỳ ba (03) năm một lần, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị cho phù hợp. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 có tác động cụ thể như sau:

Chính sách miễn toàn bộ tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh là cao hơn so với một số địa phương lân cận (*Tại Thành phố Yên Bái giảm 50% tiền thuê đất đối với Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường (Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 21/1/2015). Tại Thành phố Việt Trì giảm 30% tiền thuê đất (Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016), số tiền miễn giảm thu NSNN cho 06 dự án trong giai đoạn 2016 - 2020 là: 247,3 tỷ đồng (Tại Các dự án xã hội hóa đã được miễn toàn bộ tiền thuê đất như: Dự án của Công ty CP Bệnh viện đa khoa An Sinh (miễn 163,5 tỷ đồng); dự án của Công ty CP Đào tạo và Phát triển Tin học Tuyên Quang (miễn 34,1 tỷ đồng)... Việc miễn giảm 100% tiền thuê đất cho toàn bộ*

diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất nêu trên dẫn đến việc ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Từ những quy định nêu trên cần thiết phải xây dựng dự thảo Quyết định quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích: Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Quan điểm:

Phù hợp với quy định của pháp luật, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sửa đổi những quy định không còn phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý trong tình hình mới, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Xây dựng Quyết định phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính, hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008;

Văn bản số .../HĐND-KTNS ngày .../.../2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Đề án phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện Đề án phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Tài chính đã thành lập tổ soạn thảo dự thảo Quyết định và Kế hoạch soạn thảo dự thảo Quyết định.

Sở Tài chính có Công văn số .../STC-QLGCS&TCDN ngày .../8/2021 gửi các cơ quan có liên quan và Sở Thông tin và Truyền thông về việc tham gia ý kiến và dự thảo Quyết định và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có .../... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Sở Thông tin và Truyền thông có Công văn số .../STTTT-BBTCTTĐT ngày .../.../2021 về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin

của Cổng thông tin điện tử tỉnh đối với dự thảo văn bản QPPL, kết quả từ ngày .../8/2021 đến ngày .../.../2021 có ... ý kiến đóng góp từ hệ thống.

Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../.../2021.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- Điều 2: Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa.
- Điều 3. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất.
- Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương.
- Điều 5. Quy định chuyển tiếp.
- Điều 6. Điều khoản thi hành.

VI. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định Quy chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Xin trình kèm: Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh; Tổng hợp giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị; Tổng hợp giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLGCS&TCDN (M.Nga).

Hà Trung Kiên



Tuyên Quang, ngày 23 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Theo điểm c Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/ 5/2008 của Chính phủ, quy định: “*Riêng đối với đất đô thị, đất ở giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ thực tế địa phương quy định chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất, đồng thời quy định chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.*”, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự thảo Quyết định báo cáo UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đây là căn cứ quan trọng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ miễn, giảm đối với cơ sở xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

Để đề xuất sửa đổi chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Tài chính đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh. Về cơ bản việc thực hiện chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi quản lý, đảm bảo phù hợp với khả năng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh

1. Kết quả đạt được

Quá trình thực hiện Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND về cơ bản đảm bảo phù hợp với phân cấp quản lý - xã hội trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong điều kiện đặc thù là một tỉnh miền núi, còn gặp nhiều khó khăn về thu ngân sách, nhưng trong giai đoạn 2016-2020 UBND tỉnh đã thực hiện miễn toàn bộ tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời

gian thuê đất nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà kích thích tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng cường thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án thuộc lĩnh vực được khuyến khích trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ cho doanh nghiệp, góp phần tạo ra cơ hội việc làm cho nguồn lực lao động của tỉnh.

Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị được quy định tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh đã thu hút được 06 dự án đầu tư thuộc lĩnh vực được khuyến khích như: Dự án của Công ty CP Bệnh viện đa khoa An Sinh, dự án của Công ty CP Đào tạo và Phát triển Tin học Tuyên Quang...

1.2 Một số tồn tại, hạn chế

Chính sách miễn toàn bộ tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh là cao hơn so với một số địa phương lân cận (*Tại Thành phố Yên Bái giảm 50% tiền thuê đất đối với Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường (Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 21/1/2015). Tại Thành phố Việt Trì giảm 30% tiền thuê đất (Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016)*, số tiền miễn giảm thu NSNN cho 06 dự án trong giai đoạn 2016 - 2020 là: 247,3 tỷ đồng (*Tại Các dự án xã hội hóa đã được miễn toàn bộ tiền thuê đất như: Dự án của Công ty CP Bệnh viện đa khoa An Sinh (miễn 163,5 tỷ đồng); dự án của Công ty CP Đào tạo và Phát triển Tin học Tuyên Quang (miễn 34,1 tỷ đồng)...* Việc miễn giảm 100% tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất nêu trên dẫn đến việc ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã đề ra mục tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 là trên 5.300 tỷ. Tuy nhiên, với chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh hiện nay thì để đáp ứng được nguồn thu ngân sách nhà nước, hoàn thành mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 là rất khó khăn.

II. Định hướng, giải pháp xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh

1. Nguyên tắc xây dựng quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Kế thừa những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND giai đoạn 2016-2020.

- Đảm bảo góp phần đáp ứng được nguồn thu ngân sách nhà nước và hoàn thành mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025.

- Quy định trách nhiệm rõ ràng, rành mạch đảm bảo nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị trong việc áp dụng quy định vào thực tiễn có hiệu quả, chủ động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong phạm vi quản lý.

2. Định hướng xây dựng

Tiếp tục kế thừa những ưu điểm của Quyết định số 01/QĐ-UBND, đồng thời thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

2.1. Tiếp tục thực hiện đúng nguyên tắc áp dụng và điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; Lĩnh vực áp dụng phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất: Thực hiện theo các nội dung cụ thể:

- Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: Được tính bằng tỷ lệ % so với tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành về tính tiền thuê đất, cụ thể như sau:

+ Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Giảm 50% tiền thuê đất.

+ Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Giảm 70% tiền thuê đất.

- Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm

+ Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Miễn tiền thuê đất 5 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

+ Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Miễn tiền thuê đất 7 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh trên diện tích đất đang được nhà nước cho thuê.

2.3. Quy định cụ thể với các trường hợp có thể xảy ra khi thực hiện như: Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất, Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất, quy định đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định... đảm bảo quy định chặt

chế, đầy đủ đối với từng trường hợp phát sinh trên địa bàn tỉnh, phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới và tình hình thực tế của tỉnh.

III. Tác động và hiệu quả của việc sửa đổi chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh

Việc sửa đổi chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh góp phần hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân giải quyết khó khăn bước đầu, giảm một phần gánh nặng tài chính trong quá trình thực hiện dự án xã hội hóa.

Góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhà nước từ 30% - 50% tiền thuê đất của các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh so với giai đoạn 2016-2020 và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu NSNN và chống thất thu ngân sách nhà nước.

Quy định trách nhiệm rõ ràng, rành mạch đảm bảo nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị trong việc áp dụng quy định vào thực tiễn có hiệu quả, chủ động trong công tác quản lý của từng đơn vị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong phạm vi quản lý.

Chính sách được ban hành đi vào thực tiễn sẽ phát huy được những mặt tích cực như: Thống nhất được các quy định về quản lý thuế và các thủ tục về thuế tạo ra một hệ thống pháp luật quản lý thuế đồng bộ, thống nhất, nâng cao tính minh bạch, rõ ràng, dễ thực hiện; khuyến khích người được Nhà nước cho thuê đất sử dụng đúng mục đích, hiệu quả; nâng cao ý thức người sử dụng đất về chấp hành nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện tốt nghĩa vụ thuế; bao quát được đối tượng nộp thuế.

Xây dựng cụ thể từng trường hợp có thể phát sinh trong quá trình thực hiện đảm bảo quy định chặt chẽ, đầy đủ nội dung đối với từng trường hợp phát sinh trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới và tình hình thực tế của tỉnh./.

Số: /2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021



QUYẾT ĐỊNH

Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

sung một số điều của Thông tư 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính, hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008;

Căn cứ Công văn số .../HĐND-KTNS ngày .../.../2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số .../TTr-STC ngày .../.../2021 về việc dự thảo Quyết định Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với lĩnh vực xã hội hóa được khuyến khích, bao gồm: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này được áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến

khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ) thực hiện dự án đầu tư trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ miễn giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở xã hội hóa.

Sau đây gọi tắt là các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

Điều 2. Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn đã được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất

1. Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê

Được tính bằng tỷ lệ % so với tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành về tính tiền thuê đất, cụ thể như sau:

a) Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Giảm 50% tiền thuê đất.

b) Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Giảm 70% tiền thuê đất.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm

a) Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Miễn tiền thuê đất 5 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

b) Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Miễn tiền thuê đất 7 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

3. Miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh trên diện tích đất đang được nhà nước cho thuê.

4. Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được tính theo quy định tại điểm 3, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ và điểm 3, Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính.

6. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định của Nhà nước và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xã hội hóa thì xử lý theo quy định tại điểm 9, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương

1. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa đối với từng dự án đầu tư theo quy định của Nhà nước.

b) Giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất và thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất theo kịp thời và quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, Ban, Ngành có liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến từng lĩnh vực và tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này.

3. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai dự án đúng tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã được miễn, giảm tiền thuê đất trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục thực hiện theo các quy định trước đây, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm 2021; Thay thế Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Các nội dung khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu áp dụng được thực hiện có sự thay đổi thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó. Trường hợp phát sinh vướng mắc, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC, TC

(báo
cáo)

Nguyễn Văn Sơn

BIỂU SO SÁNH
GIỮA ĐỀ XUẤT DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 01/2016/QĐ-UBND
NGÀY 28/01/2016 CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Công văn số: /STC&QLGCS&TCDN ngày /8/2021 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh	Tại dự thảo Quyết định đề xuất	Lý do sửa đổi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh
I	BỔ CỤC VĂN BẢN			
	Phản Quyết định ban hành	Ban hành Quyết định có kèm theo Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Xây dựng Quyết định gồm 06 Điều không ban hành quy định kèm theo	Dự thảo Quyết định ban hành kèm theo Quy định, tuy nhiên, nội dung quy định kèm theo Quyết định ngắn (gồm 05 điều). Vì vậy đề xuất soạn thảo bổ cục lại dự thảo Quyết định theo hướng Quyết định quy định trực tiếp nội dung (không ban hành Quy định kèm theo)
II	PHẦN NỘI DUNG			
1	Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa	Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy	Chia làm 02 khoản: 1. Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyet, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. 2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư	Nội dung quy định tại 01/2016/QĐ- UBND ngày 28/01/2016 chưa đảm bảo chặt chẽ, phù hợp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, yêu cầu quản lý trong tình hình mới, bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện. Vì vậy đề xuất bổ sung thêm khoản 1 tại dự thảo Quyết định

STT	Nội dung	Tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh	Tại dự thảo Quyết định đề xuất	Lý do sửa đổi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh
		mô, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước.	pháp phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước.	
2	Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất	Gồm 02 khoản: 1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất. 2. Đối với đất ngoài đô thị thực hiện miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.	Xây dựng gồm 06 khoản: 1. Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê Được tính bằng tỷ lệ % so với tiền thuê đất phải nộp theo quy định của pháp luật hiện hành về tính tiền thuê đất, cụ thể như sau: a) Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Giảm 50% tiền thuê đất. b) Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Giảm 70% tiền thuê đất. 2. Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm a) Tại địa bàn các phường của thành phố Tuyên Quang: Miễn tiền thuê đất 5 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản. b) Tại địa bàn thị trấn thuộc các huyện: Miễn tiền thuê đất 7 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản. 3. Miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: Các cơ sở thực hiện xã hội hóa	Việc miễn tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất dẫn đến việc ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của tỉnh. Trong quá trình thực hiện Quyết định số tiền miễn giảm thu NSNN cho 06 dự án trong giai đoạn 2016 - 2020 là 247,3 tỷ đồng (<i>Tại Các dự án xã hội hóa đã được miễn toàn bộ tiền thuê đất như: Dự án của Công ty CP Bệnh viện đa khoa An Sinh (miễn 163,5 tỷ đồng); dự án của Công ty CP Đào tạo và Phát triển Tin học Tuyên Quang (miễn 34,1 tỷ đồng)...</i> Vì vậy đề xuất xây dựng dự thảo quy định việc miễn, giảm tiền thuê đất cho từng trường hợp cụ thể: Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê; Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm; Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê; Miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản; Trường hợp nhà đầu tư

STT	Nội dung	Tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh	Tại dự thảo Quyết định đề xuất	Lý do sửa đổi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh
			được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh trên diện tích đất đang được nhà nước cho thuê. 4. Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất đai theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. 5. Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này. Khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện	tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án; Quy định về xử lý đối với các trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định để đảm bảo quy định chặt chẽ, đầy đủ đối với từng trường hợp phát sinh trên địa bàn tỉnh.

STT	Nội dung	Tại Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh	Tại dự thảo Quyết định đề xuất	Lý do sửa đổi Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh
			dự án đầu tư được tính theo quy định tại điểm 3 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ và điểm 3 Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính. 6. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa trong quá trình hoạt động không thực hiện đúng quy định của Nhà nước và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xã hội hóa thì xử lý theo quy định tại điểm 9, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính.	
3	Quy định chuyển tiếp	Không quy định nội dung chuyển tiếp	Xây dựng điều khoản chuyển tiếp như sau: Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã được miễn, giảm tiền thuê đất trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục thực hiện theo các quy định trước đây, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.	Do Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh là Văn bản quy định về chế độ độ miễn, giảm tiền thuê đất lần đầu do UBND tỉnh ban hành vì vậy không quy định nội dung xử lý chuyển tiếp. Để đảm bảo tính chặt chẽ, quy định đầy đủ các trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện, phù hợp tính lâu dài của quy định cơ quan soạn thảo đề xuất xây dựng nội dung quy định chuyển tiếp khi xây dự thảo quyết định.

BIỂU TỔNG HỢP
SO SÁNH CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT GIỮA TỈNH TUYÊN QUANG VÀ CÁC TỈNH LÂN CẬN

(Kèm theo Công văn số: /STC-QLGCS&TCDN ngày /8/2021 của Sở Tài chính Tuyên Quang)

STT	Tỉnh Tuyên Quang (Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016)	Tỉnh Bình Dương (Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016)	Tỉnh Yên Bái (Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 21/1/2015)	Tỉnh Phú Thọ (Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016)	Tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019)	Tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 29/11/2019)
1	2	3	4	5	6	7
1	1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án và cho cả thời gian thuê đất.	- Đối với các xã, thị trấn: miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất.	1. Miễn tiền thuê đất phải nộp cho cả thời gian thuê đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa được thực hiện tại địa bàn các xã trong tỉnh. 2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị, việc miễn giảm tiền thuê đất được thực hiện như sau: 2.1. Miễn tiền thuê đất hàng năm trong suốt thời gian thuê, tiền thuê đất nộp một lần cho cả thời hạn thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại các khu vực đô thị sau: - Thị trấn Trạm Tấu của huyện Trạm Tấu; - Thị trấn Mù Cang Chải của huyện Mù Cang Chải;	a) Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đất cho các dự án sau: - Các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn thị trấn các huyện Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập; - Các dự án trường mầm non, trường tiểu học thuộc loại hình giáo dục - đào tạo; các dự án bệnh viện đa khoa, điều dưỡng và phục hồi chức năng thuộc lĩnh vực y tế và các dự án xử lý nước thải tập trung, xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán, dự án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt kể cả chất thải y tế (không bao gồm các cơ sở xử lý rác thải công nghiệp rác thải độc hại) thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn các huyện, thành, thị còn lại.	1. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực môi trường: Các dự án quy định tại Phụ lục III - Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được miễn 100% tiền thuê đất phải nộp.	1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất, được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê: a) Dự án đầu tư thuộc danh mục, lĩnh vực ưu đãi đầu tư cơ sở thực hiện xã hội hóa, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, đáp ứng với tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn và hoạt động đúng nội dung cam kết theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; b) Nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để đầu tư dự án thực hiện cơ sở xã hội hóa; được phép chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng với tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn, có văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được chấp thuận đưa vào danh mục, lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện cơ sở xã hội hóa, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và hoạt động đúng nội dung cam kết theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Số tiền đã trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp được tính vào vốn đầu tư của dự án.

STT	Tỉnh Tuyên Quang (Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016)	Tỉnh Bình Dương (Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016)	Tỉnh Yên Bái (Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 21/1/2015)	Tỉnh Phú Thọ (Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016)	Tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019)	Tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 29/11/2019)
1	2	3	4	5	6	7
2	2. Đối với đất ngoài đô thị thực hiện miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành	- Đối với địa bàn các phường: số năm miễn tiền thuê đất được tính bằng 50% thời gian thuê đất.	2.2. Giảm tiền thuê đất hàng năm trong suốt thời gian thuê, tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại các khu vực, lĩnh vực như sau: a) Đối với các phường của thành phố Yên Bái: - Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp; - Dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao, giám định tư pháp được giảm 40% tiền thuê đất phải nộp. b) Đối với các phường của thị xã Nghĩa Lộ: - Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường được giảm 60% tiền thuê đất phải nộp; - Dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao, giám định tư pháp được giảm 50% tiền thuê đất phải nộp. c) Đối với thị trấn Mậu A của huyện Văn Yên, thị trấn Cổ Phúc của huyện Trấn Yên, thị trấn Yên Bình của huyện Yên Bình: - Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường được giảm 70% tiền thuê đất phải nộp;	b) Giảm tiền thuê đất cho các dự án ngoài các dự án quy định tại Điểm a, khoản này như sau: - Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp cho các dự án trên địa bàn thành phố Việt Trì; - Giảm 50% tiền thuê đất phải nộp cho các dự án tại thị xã Phú Thọ và các thị trấn của huyện Lâm Thao; - Giảm 70% tiền thuê đất phải nộp trên địa bàn thị trấn các huyện còn lại.	2. Đối với các dự án thuộc các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao, giám định tư pháp: a) Đầu tư tại thành phố Vĩnh Yên và thành phố Phúc Yên: Giảm 90% tiền thuê đất phải nộp; b) Đầu tư tại địa bàn các huyện Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Dương, Sông Lô, Lập Thạch và Tam Đảo: Giảm 100% tiền thuê đất phải nộp;	2. Khuyến khích nhà đầu tư thực hiện cơ sở xã hội hóa được nhà nước cho thuê đất, được miễn tiền thuê đất, tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho Nhà nước theo phương án phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Kinh phí chi trả được tính vào vốn đầu tư của dự án”.

STT	Tỉnh Tuyên Quang (Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016)	Tỉnh Bình Dương (Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016)	Tỉnh Yên Bái (Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 21/1/2015)	Tỉnh Phú Thọ (Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016)	Tỉnh Vĩnh Phúc (Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019)	Tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 29/11/2019)
1	2	3	4	5	6	7
			- Dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao, giám định tư pháp được giảm 60% tiền thuê đất phải nộp. d) Đối với thị trấn Yên Thế của huyện Lục Yên, thị trấn nông trường Trần Phú, thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, thị trấn nông trường Liên Sơn của huyện Văn Chấn và thị trấn Thác bà của huyện Yên Bình: - Dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường được giảm 80% tiền thuê đất phải nộp; - Dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao, giám định tư pháp được giảm 70% tiền thuê đất phải nộp.			
3			3. Trường hợp nhà đầu tư tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa mà phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.	c) Trường hợp địa điểm thực hiện dự án xã hội hóa thuộc địa giới hành chính của hai hoặc nhiều địa phương khác nhau thì áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất theo địa phương có diện tích đất thực hiện dự án lớn nhất.		